

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện
Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh
về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 07/12/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 327/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH. (20.2023)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh
về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023**
*(Kèm theo Quyết định số 169 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Năm 2023 là năm có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Dự báo tình hình trong nước, trong tỉnh có những cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức sẽ ngày càng nhiều hơn, nhất là các hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục gặp nhiều khó khăn do giá nguyên, nhiên, vật liệu tăng cao; việc phát triển một số sản phẩm chủ lực và xuất khẩu hàng hóa của một số doanh nghiệp gặp khó khăn, đơn hàng bị cắt giảm; một số dự án quy mô lớn chậm triển khai thực hiện do vướng mắc về thể chế, mặt bằng; khả năng khai thác một số nguồn lực như đất đai, khoáng sản giảm so với những năm trước; năng lực, tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức yếu kém; thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường... là những yếu tố tác động bất lợi đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để khắc phục những khó khăn, vượt qua thách thức, triển khai thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 07/12/2022 của Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 và Nghị quyết số 327/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được, kịp thời khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra trong năm 2022; tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã đề ra; đồng thời, tập trung thực hiện tốt các đề án trong Chương trình công tác năm 2023 của UBND tỉnh và các nội dung sau:

A. CHỦ ĐỀ CỦA NĂM 2023

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, kịp thời giải quyết hiệu quả các khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững

B. PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG

Đoàn kết - kỷ cương - trách nhiệm - linh hoạt - hiệu quả

C. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2023

1. Mục tiêu tổng quát

Kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và các dịch bệnh mới phát sinh. Tiếp tục ưu tiên phát triển kinh tế theo hướng nhanh và bền vững gắn với đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao năng lực nội sinh và khả năng ứng phó linh hoạt của nền kinh tế trên cơ sở phát triển công nghiệp nặng, nông nghiệp quy mô lớn, giá trị gia tăng cao là nền tảng; công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ logistics là đột phá; du lịch là mũi nhọn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển đồng bộ và toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 11,0% trở lên, trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,0% trở lên; công nghiệp - xây dựng tăng 14,2% trở lên (công nghiệp tăng 15,3%; xây dựng tăng 11,6% trở lên); dịch vụ tăng 9,8% trở lên; thuế sản phẩm tăng 9,6% trở lên.

- Cơ cấu các ngành kinh tế: Nông, lâm, thủy sản chiếm 13,6%; công nghiệp - xây dựng chiếm 48,9%; dịch vụ chiếm 30,8%; thuế sản phẩm chiếm 6,7%.

- GRDP bình quân đầu người đạt 3.200 USD trở lên.

- Sản lượng lương thực giữ ở mức 1,5 triệu tấn.

- Tổng giá trị xuất khẩu đạt 5.500 triệu USD.

- Tổng huy động vốn đầu tư phát triển đạt 140.000 tỷ đồng.

- Thu ngân sách nhà nước đạt 35.340 tỷ đồng.

- Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao tăng thêm 7.100 ha.

- Thêm 01 huyện, 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 22 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Số doanh nghiệp thành lập mới đạt 3.000 doanh nghiệp trở lên.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 38% trở lên.

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt 10% trở lên.

2.2. Về văn hóa - xã hội

- Tốc độ tăng dân số dưới 1%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm còn 31,5%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 73% trở lên.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giai đoạn 2022 - 2025 của tỉnh giảm từ 1,5% trở lên.
- Số bác sỹ/1 vạn dân đạt 12 bác sỹ.
- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 83,46%.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,5%.
- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí ATTP đạt 98% trở lên; trong đó, tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí ATTP nâng cao đạt 12%.
- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đạt 24,86%.

2.3. Về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 53,65%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 97,5%; trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đạt 62%.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 90%.

2.4. Về an ninh trật tự

- 80% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

D. TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH NĂM 2023

1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, nâng cao tinh thần trách nhiệm, sự tâm huyết, chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, của cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2023 ngay từ những ngày đầu, tháng đầu năm mới. Trước mắt, cần tập trung khẩn trương giao kế hoạch tới các đơn vị; xây dựng và thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án nhằm khắc phục hạn chế, yếu kém năm 2022, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2023.

2. Chỉ đạo rà soát, đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện nghị quyết, các chương trình trọng tâm, kế hoạch hành động thực hiện khâu đột phá của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; trên cơ sở đó, nghiên cứu, bổ sung kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, hiệu quả để tập trung chỉ đạo, điều hành, đảm bảo hoàn thành thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

3. Tập trung chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; trọng tâm là việc tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm

nhìn đến năm 2045 và Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021 - 2030; đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết trong Khu kinh tế Nghi Sơn và tại các huyện, thị xã, thành phố. Tăng cường công tác quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch.

4. Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng giải quyết các khó khăn, vướng mắc, bất cập cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố; chỉ đạo nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh, kịp thời hỗ trợ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp phục hồi, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh; đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư, nhất là các dự án trọng điểm, có đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách và giải quyết việc làm.

5. Chỉ đạo nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về đầu tư công; tập trung chuẩn bị đầu tư các dự án, giải phóng mặt bằng, bố trí đủ vật liệu xây dựng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án và giải ngân vốn đầu tư công. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tăng thu ngân sách nhà nước, phấn đấu đạt mức cao nhất; quản lý và sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả để tập trung nguồn lực phục vụ cho đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách năm 2023.

6. Tập trung chỉ đạo khắc phục điểm nghẽn về giải phóng mặt bằng, về hạ tầng, nhất là hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao thứ hạng các chỉ số phản ánh môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư và huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

7. Chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ và chuyển đổi số; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội; trọng tâm là nâng cao chất lượng văn hóa toàn diện và giáo dục mũi nhọn; đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục, thể thao và duy trì thể thao thành tích cao trong nhóm dẫn đầu cả nước; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho Nhân dân; tăng cường chỉ đạo, thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 và các loại dịch bệnh mới xuất hiện, giải quyết tình trạng thiếu trang thiết bị, vật tư y tế, thuốc, nhân lực và vấn đề nợ đọng tại các cơ sở khám, chữa bệnh; thực hiện tốt công tác giảm nghèo, các chính sách an sinh - xã hội, chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

8. Tăng cường chỉ đạo củng cố quốc phòng - an ninh, đặc biệt là an ninh biên giới, trên biển, an ninh nông thôn và tại các điểm nóng, tạo môi trường ổn định, an toàn cho phát triển kinh tế - xã hội; chỉ đạo quyết liệt công tác đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm; đảm bảo an toàn giao thông; thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống cháy nổ; triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định của Trung ương và của tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực,

chống lãng phí, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo; giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc, cử tri quan tâm như: ô nhiễm môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, khai thác khoáng sản, quản lý đất đai, nợ đọng BHXH; tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

9. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước các cấp và vai trò của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành các hoạt động của cơ quan, địa phương, đơn vị; động viên, khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có sáng kiến, nâng cao hiệu quả làm việc; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp gây khó khăn, phiền hà trong thực thi công vụ, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành và tính nghiêm minh của pháp luật.

E. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 37/2021/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa

1. Tiếp tục quán triệt, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ những định hướng, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh

1.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-NQ ngày 03/02/2021 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị; Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kế hoạch phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa; kịp thời tham mưu, đề xuất, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 06/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa, nhằm phát huy hiệu quả các chính sách trong thời gian nhanh nhất, nhằm bổ sung nguồn lực cho phát triển.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, chủ động rà soát, đánh giá khả năng giải ngân và đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền phương án điều chỉnh, bổ sung nguồn lực cho chính sách khác còn dư địa để thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ trong trường hợp cần thiết.

1.2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục thuế tỉnh, Cục Hải quan Thanh Hóa và các đơn vị liên quan

- Tiếp tục đầu mối, phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính để được hướng dẫn cụ thể việc xác định số thu để tính tỷ lệ hỗ trợ tăng thu cho tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 37/2021/QH15 của Quốc hội theo hướng “số thu thực tế của toàn bộ hàng hóa xuất, nhập khẩu đăng ký tờ khai, nộp thuế tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Nghi Sơn.

- Khẩn trương tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách về mức dư nợ vay; chính sách về phí, lệ phí và chính sách về thu từ xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 37/2021/QH15 của Quốc hội trong thời gian sớm nhất, nhằm phát huy hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh.

1.3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha theo Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022; kịp thời báo cáo, đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền.

1.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Quy định thí điểm về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 14/2022/QĐ-TTg ngày 25/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ; kịp thời báo cáo, đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền.

1.5. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Quy định về thí điểm phân cấp thẩm quyền phê duyệt, trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị thuộc tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 15/2022/QĐ-TTg ngày 27/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ; kịp thời báo cáo, đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền.

1.6. Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, cơ chế, chính sách, chương trình trọng tâm, khâu đột phá để sớm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 37/2021/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đã ban hành nhưng không còn phù hợp; đồng thời, nghiên cứu, xây dựng ban hành các cơ chế, chính sách mới, có tính đột phá nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các chính sách theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương.

2. Về công tác quy hoạch

2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tiếp tục đầu mối, phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ, khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục để sớm được Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời, tập trung tham mưu, cụ thể hóa, triển khai thực hiện tốt các nội dung của quy hoạch ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2.2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tiếp tục đầu mối, phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng, Văn phòng Chính phủ, cung cấp đầy đủ các hồ sơ, thủ tục, để sớm được Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040; đồng thời, tập trung tham mưu, cụ thể hóa, triển khai thực hiện tốt các nội dung của quy hoạch ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2.3. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, UBND các huyện, thị xã, thành phố, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, căn cứ Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch, đảm bảo đồng bộ, tạo mối liên kết trong nội bộ vùng, giữa các vùng trong tỉnh và với các tỉnh lân cận.

- Nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập và trình phê duyệt các quy hoạch phân khu chức năng chính theo điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn; quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết tại các khu vực phát triển nhanh, dọc các tuyến đường giao thông lớn, các tuyến giao thông chính.

- Khẩn trương hoàn thành việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021 - 2030 theo phương án phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2022 và Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, địa phương trong xây dựng, tổ chức và

giám sát thực hiện quy hoạch; kiên quyết xử lý các vi phạm, không để xảy ra tình trạng xây dựng trái phép trên địa bàn.

II. Tập trung đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tạo động lực thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững

1. Về phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân

1.1. Thực hiện các nghị quyết, cơ chế, chính sách

a) Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân của Trung ương và của tỉnh; đặc biệt là chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cây gai xanh nguyên liệu...

- Kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung các chính sách hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn đang triển khai thực hiện giai đoạn 2020 - 2025; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển sản xuất vụ Đông trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023 - 2026, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân; nghiên cứu tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư các nhà máy chế biến nông, lâm sản gắn với xây dựng vùng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong tháng 4 năm 2023.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách trên địa bàn; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng, trục lợi chính sách.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu cân đối, bố trí đủ nguồn vốn để kịp thời hỗ trợ cho các địa phương, đơn vị để triển khai thực hiện; chủ động hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán theo quy định.

c) UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên cổng thông tin điện tử, các phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo trực tiếp cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thụ hưởng chính sách biết để đăng ký tham gia, đảm bảo các chính sách được thực hiện hiệu quả, góp phần phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân trên địa bàn.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát việc triển khai thực hiện các chính sách trên địa bàn; kịp thời phát hiện để ngăn chặn các vi phạm và tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

1.2. Về phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan

- Tập trung thực hiện tốt Quyết định số 622-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025, tạo chuyển biến thực sự rõ nét về quy mô, năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản tỉnh Thanh Hóa.

- Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản trong nước và nước ngoài.

- Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường; lấy nông dân làm trung tâm, nông nghiệp là động lực, nông thôn là nền tảng để phát triển.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, theo hướng công nghệ cao theo Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; phân đấu năm 2023 tích tụ được 7.100 ha để sản xuất hàng hóa, quy mô lớn; phát huy các loại cây trồng, sản phẩm chủ lực, có lợi thế.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên địa bàn tỉnh để có các vùng trồng cây nông, lâm nghiệp quy mô lớn; có hiệu quả kinh tế cao và thương hiệu sản phẩm.

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị; tiếp tục mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt VietGap, khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng; nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ gắn với bảo vệ môi trường và an toàn sinh học. Kịp thời tháo gỡ, giải quyết khó khăn, sớm đưa các dự án chăn nuôi quy mô lớn vào hoạt động.

- Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên; bảo tồn thiên nhiên, phát triển đa dạng sinh học và sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng hiện có. Thực hiện có hiệu quả phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm lợi thế của tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong sản xuất nhằm đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm gỗ qua chế biến. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng, chống cháy rừng.

- Phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, đáp ứng yêu cầu thị trường. Giảm dần sản lượng khai thác

gần bờ, đẩy mạnh khai thác xa bờ gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, bảo vệ chủ quyền quốc gia.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, biện pháp chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); đẩy mạnh áp dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt, nuôi trồng thủy sản có chứng nhận với các sản phẩm chủ lực. Khai thác hiệu quả các cảng cá, khu neo đậu tàu cá, tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá. Tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng trọng điểm trong phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục thực hiện xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững, đi vào chiều sâu, nâng cao thực chất đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống cho người dân nông thôn; đẩy mạnh Chương trình mỗi xã một sản phẩm, tập trung nâng cao chất lượng, mẫu mã, bao bì sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Phấn đấu năm 2023, toàn tỉnh có thêm 01 huyện, 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 22 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có thêm 120 sản phẩm OCOP cấp tỉnh.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp. Nâng cao trình độ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tạo “cú hích” cho ngành nông nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, kinh tế số để phát triển nông nghiệp sinh thái, nông dân thông minh, nông thôn hiện đại.

b) Các ngành, các cấp và các đơn vị có liên quan

- Tăng cường đồng hành cùng doanh nghiệp, hợp tác xã, bà con nông dân trong xây dựng các vùng nông sản chất lượng, an toàn; phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP; đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào nông nghiệp; xây dựng các nhà máy chế biến nông sản hiện đại, chế biến sâu; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, người nông dân đặt tên sản phẩm nông nghiệp gắn với các địa danh nơi sản xuất, địa danh nổi tiếng của tỉnh, làm cơ sở để xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản Thanh Hóa.

- Tập trung huy động các nguồn lực để đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Đổi mới và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh liên kết giữa 4 nhà “Nhà nước - Nhà nông - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp” nhằm gắn kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, kinh tế số để phát triển nông nghiệp thông minh, hiện đại.

1.3. Về thực hiện các biện pháp hỗ trợ tiêu thụ hàng nông sản

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan

- Tiếp tục đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến thương mại; xây dựng bản tin sản xuất, thị trường và tiêu thụ nông sản Thanh Hóa để hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ nông dân nắm bắt, có kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp với thị trường.

- Tham mưu tổ chức Hội nghị kết nối cung - cầu, kết hợp trưng bày giới thiệu sản phẩm nông sản thực phẩm an toàn tỉnh Thanh Hóa năm 2023, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong tháng 10 năm 2023.

b) Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính tăng cường hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp, các sản phẩm nông sản lên sàn thương mại điện tử: postmart.vn của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam và voso.vn của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel và các sàn giao dịch thương mại điện tử hợp pháp khác nhằm góp phần phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

c) Các cấp, các ngành và các đơn vị liên quan, tăng cường công tác vận động, xúc tiến đầu tư, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm nông nghiệp, tạo đầu ra ổn định cho các hộ nông dân; vận hành có hiệu quả phần mềm kết nối cung - cầu nông sản, thực phẩm an toàn tỉnh Thanh Hóa; hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia sàn thương mại điện tử để quảng bá sản phẩm.

1.4. Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Y tế, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan, tập trung nguồn lực, thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; kịp thời ngăn chặn, khống chế, dập tắt các ổ dịch ngay khi mới xuất hiện, không để bùng phát, lây lan trên diện rộng và lây lan sang người.

2. Về công nghiệp - xây dựng

2.1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030; chính sách phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2022 - 2026.

- Chú trọng thu hút, phát triển công nghiệp hỗ trợ, các vùng nguyên vật liệu trên địa bàn để chủ động hơn các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất, kinh doanh, từng bước hình thành các cụm liên kết các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh.

2.2. Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp và các đơn vị liên quan

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục khó khăn, tiếp tục duy trì và đẩy mạnh sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất thép, điện, xi măng, giấy da, may mặc, các dự án của Tập đoàn Hongfu...

- Tạo mọi điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp nhằm sớm đưa vào hoạt động như: Nhà máy xi măng Đại Dương 1 và số 2; Dây chuyền 4 - Nhà máy xi măng Long Sơn; Nhà máy săm lốp ô tô Radial; sản xuất găng tay Nitrile Intco; Nhà máy théo VAS số 2; Nhà máy khung tranh Inteco

Nhà máy hóa chất Đức Giang,... tạo thêm năng lực sản xuất và sản phẩm mới cho nền kinh tế.

2.3. Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tập trung chỉ đạo, đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư, thức ăn chăn nuôi, phân bón phục vụ nông nghiệp; công nghệ may mặc, da giày để giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động. Phát triển tiêu thụ công nghiệp gắn với khôi phục các nghề truyền thống và nhân cây nghề mới có thị trường tiêu thụ tốt, bền vững.

2.4. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Khẩn trương tham mưu, thực hiện các giải pháp giải quyết các khó khăn, vướng mắc, khắc phục tình trạng khan hiếm vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 10/3/2023.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp, tạo điều kiện hình thành và phát triển các doanh nghiệp mạnh trong ngành xây dựng, đảm bảo thực hiện các dự án quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao, phức tạp.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng theo hướng thân thiện với môi trường; khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi dây chuyền công nghệ, cơ cấu sản phẩm vật liệu xây dựng có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường và hiệu quả kinh tế thấp.

- Triển khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản; tạo môi trường, điều kiện để thị trường bất động sản phát triển ổn định; có giải pháp phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân trên địa bàn tỉnh.

3. Về dịch vụ

3.1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Chú trọng phát triển các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, có giá trị gia tăng lớn; thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến của thị trường, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa; gắn kết giữa sản xuất với phân phối hàng hóa, liên kết trong chuỗi giá trị.

- Tập trung chỉ đạo khai thác tốt thị trường nội địa và đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, chuyển đổi số; đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi mô hình quản lý kinh doanh khai thác chợ. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp khai thác hiệu quả từ các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, đa dạng hóa đối tác, nguồn hàng.

- Triển khai có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ giải quyết khó khăn về thị trường tiêu thụ đối với doanh nghiệp sản xuất một số sản phẩm công nghiệp truyền thống như sắt, thép, xi măng, rượu, bia, thuốc lá.

3.2. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải; tăng cường kết nối, liên thông dịch vụ vận tải giữa các phương thức. Khuyến khích, kêu gọi các

doanh nghiệp mở mới các tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, tuyến xe buýt để phục vụ nhu cầu của người dân.

- Đẩy mạnh hoạt động vận tải tại Cảng hàng không Thọ Xuân; xúc tiến mở mới các đường bay đi và đến cảng hàng không Thọ Xuân.

- Tập trung đầu mối, phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải để triển khai lập đề án Đề án xã hội hóa đầu tư, khai thác cảng hàng không Thọ Xuân, trình Chính phủ xem xét, phê duyệt, làm cơ sở để kêu gọi đầu tư Nhà ga hành khách quốc tế T2, đường cất hạ cánh và hạ tầng Cảng Hàng không Thọ Xuân.

3.3. Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ cảng biển, vận tải biển, logistics; thu hút các hãng vận tải biển lớn trong và ngoài nước mở các tuyến vận tải container quốc tế tại Cảng Nghi Sơn; thu hút đầu tư xây dựng kho bãi, trung tâm logistics tại Khu kinh tế Nghi Sơn, các trung tâm logistics khu vực Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng, thành phố Thanh Hóa, đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trọng điểm về vận tải - cảng biển của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước.

- Tập trung triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container đi quốc tế qua Cảng Nghi Sơn và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa bằng container qua Cảng Nghi Sơn.

3.4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan

- Tập trung nghiên cứu, đa dạng hóa sản phẩm du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch mới, có lợi thế của tỉnh, phù hợp với từng phân đoạn thị trường; tổ chức kích cầu du lịch tại các thị trường trọng điểm trong và ngoài nước, đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trọng điểm về du lịch của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước.

- Tăng cường các hoạt động truyền thông, quảng bá, xúc tiến du lịch, ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số trong phát triển du lịch; đặc biệt là việc tuyên truyền, quảng bá về Bộ nhận diện thương hiệu du lịch Thanh Hóa, tạo điểm nhấn của ngành du lịch, hướng đến phát triển du lịch bốn mùa; đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các địa phương, công tác truyền thông hướng vào các thị trường mục tiêu, với thông điệp “Du lịch Thanh Hóa - điểm đến an toàn thân thiện”.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch tại chỗ, nhân lực du lịch cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút khách du lịch.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ tối đa các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án du lịch quy mô lớn trên địa bàn tỉnh, như: Quảng trường biển và trục cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn; Khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Tân Dân, thị xã Nghi Sơn; Flamingo Linh Trường khu

B; Khu quần thể nghỉ dưỡng khoáng nóng Quảng Yên; dự án sân golf quốc tế cao cấp tại xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương...

3.5. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tập trung phát triển hạ tầng và nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông; đẩy mạnh chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số.

3.6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Thanh Hóa

- Chỉ đạo phát triển dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm theo hướng hiện đại, đa dạng hóa các sản phẩm và tiện ích ngân hàng theo chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu cung cấp vốn cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng không dùng tiền mặt.

- Nghiên cứu, tổ chức Hội nghị kết nối ngân hàng, doanh nghiệp và người dân tỉnh Thanh Hóa năm 2023 để kết nối, hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn, giải quyết các vướng mắc khó khăn trong quan hệ tín dụng giữa các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện tốt các chính sách cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ; tập trung cơ cấu lại nợ, nhất là các doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19.

3.7. Công an tỉnh, Cục Quản lý Thị trường tỉnh và các lực lượng chức năng tiếp tục tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý, gây mất ổn định thị trường. Sở Y tế chủ trì, tăng cường kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh dược phẩm và thực phẩm chức năng trên địa bàn tỉnh.

III. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh; tăng cường quản lý, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển

1. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn các doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh

1.1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tập trung tham mưu, triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 23/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Khâu đột phá về đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn, giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện cải cách hành chính tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025.

1.2. Trung tâm Phục vụ hành chính công chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, đổi mới công nghệ thông tin để cải tiến quy trình, thủ tục hành chính và đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, giảm văn bản giấy tờ hành chính, đảm bảo đến hết năm 2023, có tỷ lệ nộp hồ sơ trực

tuyển đạt tối thiểu 90% ở cấp tỉnh, 87% ở cấp huyện và 60% ở cấp xã; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 85% ở cấp tỉnh, 80% ở cấp huyện và 60% ở cấp xã.

1.3. Các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao

- Tiếp tục rà soát, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền loại bỏ các mẫu đơn, tờ khai không cần thiết, không hợp lý; đặc biệt là các mẫu đơn, tờ khai có thông tin trùng lặp. Rà soát, cắt giảm các khâu, các bước trong quá trình triển khai các thủ tục hành chính sau cấp phép kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, cấp phép đầu tư, giao đất, cho thuê đất, cấp phép xây dựng.

- Tiếp tục duy trì và cải thiện các chỉ số thành phần có thứ hạng cao, tập trung các giải pháp khắc phục những chỉ số thành phần có thứ hạng thấp của các chỉ số PCI, PAR Index, PAPI, SIPAS.

2. Đổi mới phương thức và nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến đầu tư và hợp tác quốc tế

2.1. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp và các đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao

- Tập trung thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, trong đó ưu tiên xúc tiến đầu tư các dự án quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục quan tâm tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ đối với các nhà đầu tư lớn đã và đang đầu tư trên địa bàn tỉnh và chủ động tiếp cận, tìm hiểu, hỗ trợ các đối tác, tập đoàn lớn, công nghệ cao, đứng đầu hoặc vận hành các chuỗi giá trị trong nước và nước ngoài.

2.2. Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng các khu tái định cư và giải phóng mặt bằng các khu công nghiệp trong khu kinh tế Nghi Sơn nhằm tạo quỹ đất sạch, để thu hút đầu tư các dự án.

- Tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện giải phóng mặt bằng trong Khu kinh tế Nghi Sơn; tham mưu thành lập Tổ Công tác của UBND tỉnh giải quyết, tham mưu giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh; hoàn thành trong tháng 01 năm 2023.

2.3. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan

- Tích cực triển khai các hoạt động đối ngoại, hội nhập và hợp tác quốc tế nhằm mở rộng và làm sâu sắc hơn mối quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố

nước ngoài có quan hệ hợp tác với Thanh Hóa, các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là các đối tác chiến lược, quan trọng.

- Tham mưu kết hợp chặt chẽ giữa công tác đối ngoại với hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại nước ngoài; đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại; đẩy mạnh quảng bá về thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, truyền thống văn hóa, lịch sử, môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh đến bạn bè trong nước, quốc tế và kiều bào ta ở nước ngoài để nâng cao vị thế, thu hút đầu tư, du lịch.

- Chuẩn bị tốt các điều kiện để triển khai các hoạt động kỷ niệm 10 năm thiết lập quan hệ với thành phố Seongnam, tỉnh Gyeonggi-do, Hàn Quốc; kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản; 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và 10 năm đối tác chiến lược Việt Nam - Pháp.

2.4. Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy và cán bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan thực hiện xúc tiến đầu tư của tỉnh.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư công

3.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư công, các nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên bố trí vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, đảm bảo phù hợp với nhu cầu, tiến độ thực hiện của dự án.

- Khẩn trương tham mưu phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn ngay từ đầu năm.

- Tham mưu Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công năm 2023, trong đó quy định cụ thể mốc thời gian, tỷ lệ giải ngân đối với từng loại dự án cụ thể, xác định rõ trách nhiệm đối với từng chủ đầu tư, cá nhân, đơn vị có liên quan; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong tháng - 01 năm 2023.

3.2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp chặt chẽ trong quá trình tham mưu đề xuất chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn từ thu tiền sử dụng đất hằng năm và công tác phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất hằng năm, đảm bảo hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3.3. Các cấp, các ngành, các chủ đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao

- Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết về mặt bằng, mỏ vật liệu, nhân công,... để sớm thực hiện dự án ngay sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn, kiên quyết điều chỉnh hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh vốn của các dự án chậm tiến độ, giải ngân thấp, đảm bảo hoàn thành 100% kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công năm 2023.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư các dự án dự kiến khởi công mới trong năm 2023; đối với các dự án khởi công mới, phải hoàn thành hồ sơ, thủ tục theo quy định trước ngày 28/02/2023, làm cơ sở giao chi tiết kế hoạch vốn cho các dự án để triển khai thực hiện. Nâng cao năng lực đấu thầu, lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư công, đẩy mạnh đấu thầu qua mạng theo đúng quy trình, thủ tục.

- Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư công; quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng và giải ngân vốn đầu tư của các dự án. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo nguyên tắc hậu kiểm, bảo đảm tính tuân thủ các quy định và hiệu quả đầu tư công; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, giám sát đánh giá đầu tư.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc lập, thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư, đảm bảo khả năng cân đối vốn cho dự án.

4. Thực hiện đồng bộ, linh hoạt các biện pháp thu ngân sách nhà nước, phấn đấu hoàn thành dự toán ở mức cao nhất, tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội

4.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục thuế tỉnh, Cục Hải quan Thanh Hóa và các đơn vị liên quan

- Tập trung tham mưu, triển khai thực hiện các giải pháp thu ngân sách trên địa bàn theo từng lĩnh vực, sắc thuế, đảm bảo vượt dự toán thu ngân sách Trung ương giao năm 2023; chủ động phân loại, đánh giá các nguồn thu ngay từ đầu năm để có biện pháp thu thích hợp, hiệu quả.

- Tham mưu hoàn thiện kế hoạch tiến độ thu các khoản nợ đọng thuế, nhất là tiền sử dụng đất đã quá hạn nộp ngân sách nhà nước, trong đó xác định cụ thể thời gian hoàn thành việc thu hồi tiền sử dụng đất; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong tháng 01 năm 2023.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; đẩy mạnh thực hiện cơ chế khoán, đấu thầu, đặt hàng, cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về khả năng tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là chi sự nghiệp có tính chất đầu tư, các khoản chi chưa thực sự cần thiết, các khoản kinh phí tổ chức hội nghị, công tác phí trong và ngoài nước, mua sắm trang thiết bị đắt tiền, để dành nguồn lực chi đầu tư phát triển.

4.2. Cục thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tập trung rà soát các nguồn thu trên địa bàn (thu từ các doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; thu từ các hoạt động vãng lai trên địa bàn, các nhà thầu nước ngoài, các cơ sở sản xuất kinh doanh có trụ sở chính đóng tại tỉnh ngoài, hộ kinh doanh cá thể...) để yêu cầu các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký, kê khai, nộp thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Tiếp tục triển khai quyết liệt công tác thu nợ thuế; rà soát, phân loại chính xác các khoản nợ để đôn đốc thu nợ. Thực hiện nghiêm việc công khai thông tin người nợ thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Thường xuyên đôn đốc, yêu cầu các chủ đầu tư còn nợ tiền sử dụng đất để nộp vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định và đảm bảo theo thời gian đã cam kết. Trường hợp nộp chậm so với tiến độ cam kết, phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền thu hồi đất, hủy kết quả đấu giá, đấu thầu; không được tham gia đấu thầu, đấu giá các dự án mới.

- Thúc đẩy chuyển đổi số, đẩy mạnh điện tử hóa trong quản lý thuế; đồng bộ, kết nối cơ sở dữ liệu với các cơ quan quản lý nhà nước để quản lý đối với các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản...

4.3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị các hồ sơ, thủ tục phê duyệt phương án đấu giá, thẩm định giá đất; đôn đốc các chủ đầu tư dự án khai thác quỹ đất khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành của các dự án khai thác quỹ đất đã có kết quả trúng đấu giá, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để thực hiện thanh toán theo khối lượng hoàn thành của dự án.

4.4. Cục Hải quan Thanh Hóa đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành, triển khai “mô hình hải quan thông minh, hải quan số”; tập trung tháo gỡ khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu, vận chuyển hàng hóa qua biên giới; tiếp tục tăng cường làm việc với các nhà đầu tư để xúc tiến xuất khẩu, nhập khẩu qua Cảng Nghi Sơn, tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp đưa tàu về Cảng Nghi Sơn bốc dỡ hàng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan và tăng thu ngân sách nhà nước.

4.5. Cục Quản lý Thị trường tỉnh tăng cường công tác kiểm soát hàng hóa, công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng và tạo môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh, công bằng; phối hợp chặt chẽ với ngành thuế để tuyên truyền, vận động, kiểm tra việc xuất hóa đơn thuế trong các hoạt động kinh doanh, đảm bảo chống thất thu thuế, tăng nguồn thu ngân sách địa phương.

4.6. Kho bạc Nhà nước tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý thu và kiểm soát chi ngân sách nhà nước; chỉ đạo Kho bạc Nhà nước cấp huyện tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chi, đảm bảo tất cả các khoản thanh toán khối lượng hoàn thành vốn xây dựng cơ bản đều phải có hóa đơn thuế hợp pháp, góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước.

4.7. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, người dân vay vốn để sản xuất kinh doanh; cơ cấu thời hạn trả nợ hợp lý và miễn, giảm lãi suất theo đúng quy định; đẩy mạnh việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, đảm bảo an toàn tài chính và nhanh chóng, thuận tiện trong thanh toán; tạo môi trường cạnh tranh công bằng, công khai, minh bạch trong kinh doanh, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

4.8. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh: tăng cường nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, nhất là nhóm doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực, đóng góp lớn vào tăng trưởng và thu ngân sách của tỉnh để chủ động hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp từ sớm, từ xa, tạo điều kiện đẩy mạnh sản xuất; khuyến khích các doanh nghiệp có thuận lợi về thị trường tiêu thụ tiếp tục tăng sản lượng.

4.9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phát huy vai trò của Hội đồng tư vấn thuế cấp xã để đảm bảo thu đúng, thu đủ các sắc thuế theo quy định.

5. Về hỗ trợ doanh nghiệp

5.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025; chương trình hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2026.

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch đào tạo khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong quý I năm 2023.

- Tiếp tục tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh tiếp doanh nghiệp định kỳ vào ngày 21 hằng tháng để giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, xử lý triệt để các vấn đề còn tồn đọng để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hỗ trợ pháp lý dành cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

5.2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; các giải pháp kết nối doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hình thành các chuỗi cung ứng, sản xuất, bao tiêu sản phẩm, hàng hóa cho doanh nghiệp.

- Cung cấp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu về các thị trường xuất khẩu để doanh nghiệp nghiên cứu, tiếp cận.

5.3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tập trung hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi số để tham gia hiệu quả vào các chuỗi giá trị, ứng phó linh hoạt với diễn biến của dịch bệnh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

5.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong các ngành, sản phẩm thuộc lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, từ cung ứng đến sản xuất, bảo quản, bao tiêu sản phẩm, hàng hóa cho doanh nghiệp, nhất là các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm có lợi thế của tỉnh.

5.5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện hiệu quả chương trình hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ kết nối các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để nâng cao chất lượng, đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

5.6. Thanh tra tỉnh chủ trì, kiểm tra, giám sát chặt chẽ các ngành, địa phương, đơn vị trong việc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng chông chéo trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

5.7. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, triển khai thực hiện hiệu quả Đề án nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025; trong đó, tập trung đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch nhằm quảng bá, giới thiệu các sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến các thị trường, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

5.8. Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ thuế, kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế, xác nhận số thuế đã nộp bằng phương pháp điện tử để tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp miễn, giảm, giãn, gia hạn thuế theo quy định của Trung ương.

5.9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Thanh Hóa

- Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp mở rộng tín dụng đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh và các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp chịu ảnh hưởng do dịch bệnh Covid-19.

- Chỉ đạo, khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp; thực hiện có hiệu quả chương trình kết nối doanh nghiệp - ngân hàng; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh tiếp cận nguồn vốn để mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động.

5.10. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tăng cường công tác tuyên truyền về các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Chủ động rà soát, ban hành các cơ chế hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn theo hướng gắn với các ngành nghề truyền thống và các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của từng địa phương để tăng cường thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp bền vững.

- Khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi hoạt động sang mô hình doanh nghiệp. Phân đầu năm 2023 thành lập mới trên 3.000 doanh nghiệp.

- Yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phải bố trí ít nhất một ngày trong tháng để giải quyết các khó khăn, vướng mắc và các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp trên địa bàn do mình quản lý; định kỳ vào ngày 25 hằng tháng, báo cáo kết quả tiếp doanh nghiệp với Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư).

5.11. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, VCCI Thanh Hóa tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển doanh nghiệp đến hội viên, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn; tích cực vận động, hướng dẫn doanh nghiệp trên địa bàn tham gia các tổ chức hiệp hội, ngành hàng nhằm chia sẻ thông tin, tăng cường hợp tác, liên kết, hình thành chuỗi giá trị, góp phần nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

5.12. Liên minh hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tập trung tham mưu, thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã theo hướng phát triển các hình thức hợp tác, liên kết, hình thành các chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

6. Tập trung tháo gỡ, giải quyết khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án

6.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp và các đơn vị liên quan, tập trung rà soát, phân loại các vướng mắc của các dự án đầu tư lớn trên địa bàn tỉnh, nhất là các dự án của Tập đoàn Sun Group, các dự án trong Khu kinh tế Nghi Sơn. Đối với những vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh (như: thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, quy hoạch,...) thì phải khẩn trương giải quyết hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm để doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai dự án. Đối với khó khăn, vướng mắc liên quan đến thể chế, quy định của pháp luật, không thuộc thẩm quyền quyết định của tỉnh, thì phải tập trung nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ để doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp tục triển khai dự án, không để kéo dài, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6.2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp và các đơn vị liên quan, tăng cường thanh tra, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện của các dự án đã được giao đất, cho thuê đất; đối với các dự án sử dụng đất chậm tiến độ kéo dài, vi phạm quy định của Nhà nước, thì cương quyết tham mưu cho cấp có

thẩm quyền xem xét, thu hồi đất để giao cho các nhà đầu tư có năng lực thực hiện dự án.

IV. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là về giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu

1. Về phát triển hạ tầng giao thông

1.1. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tập trung xây dựng hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại, tạo thành mạng lưới giao thông hợp lý, kết nối thuận lợi trong và ngoài tỉnh, kết nối các vùng, các trung tâm kinh tế động lực. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án giao thông trọng điểm như: Đường cao tốc Bắc Nam nhánh Đông, Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thanh Hóa (đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa); đường Vạn Thiện đi Bến En; đường từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa; đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 45 từ xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa; đường từ thành phố Thanh Hóa đến đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn...

- Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc chuẩn bị các điều kiện cần thiết để khởi công một số dự án đường giao thông quan trọng trên địa bàn tỉnh như: Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thanh Hóa; Đầu tư nâng cấp, mở rộng Đại lộ Lê Lợi đoạn từ ngã tư Phú Sơn đến cầu Đổng, thành phố Thanh Hóa; đường từ cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi Cảng Nghi Sơn... Nghiên cứu để sớm triển khai đầu tư, nâng cấp các tuyến giao thông kết nối các nút giao cao tốc với các đô thị, các trục giao thông chính trên địa bàn tỉnh

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng bến thủy nội địa, bến phao neo trong vùng nước cảng biển nhằm phát triển vận tải thủy nội địa và vận tải ven biển theo mục tiêu quy hoạch đã được phê duyệt; trong đó, ưu tiên một số hạng mục như: Cải tạo tuyến vận tải thủy nội địa Thanh Hóa - Ninh Bình (kênh Nga, kênh De); khắc phục thác đền Hàn trên sông Lèn; xây dựng một số cảng, bến thủy nội địa như Đồ Lèn, Hàm Rồng, bến Thiệu Khánh (bến Vồm), cầu Tào (cảng Hoằng Lý), Bút Sơn...

- Triển khai thực hiện tốt các quy định về lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa; kịp thời khắc phục các sự cố, hư hỏng trên các tuyến đường, đảm bảo giao thông thông suốt trên các tuyến.

1.2. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tập trung tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các dự án đầu tư cảng biển trên địa bàn; đẩy mạnh thu hút đầu tư, nhất là việc kêu gọi nhà đầu tư dự án Trung tâm logistics Bắc Trung Bộ tại Khu kinh tế Nghi Sơn.

1.3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp chặt chẽ với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng của các dự án nhằm sớm hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra; bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện các nội dung có liên quan, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án theo quy định.

2. Về phát triển hạ tầng đô thị

2.1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tập trung thực hiện các giải pháp đẩy mạnh phát triển đô thị theo hướng đô thị xanh, thông minh, hiện đại và thân thiện với môi trường; đặc biệt là chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị tập trung hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án: Khu dân cư phía Tây đường CSEDP thuộc Khu dân cư Tây Nam đường Nguyễn Phục, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa; Khu đô thị Đông đại lộ Bắc Nam, thành phố Thanh Hóa... Khẩn trương hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư để sớm khởi công các dự án đô thị lớn trong năm 2023 như: Khu đô thị mới tại xã Hoàng Quang và phường Long Anh, thành phố Thanh Hóa; Khu đô thị mới dọc Đại lộ Nam sông Mã...

- Chủ động tham mưu các giải pháp đầu tư nâng cấp, mở rộng các nhà máy nước đang hoạt động; thu hút, đa dạng hóa các nguồn lực để đầu tư xây dựng mới hệ thống cấp nước cho các đô thị chưa có công trình cấp nước tập trung, đảm bảo hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị được đồng bộ, hiện đại.

2.2. Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp khẩn trương chỉ đạo chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Tây Bắc Ga tập trung rà soát, đầu tư hoàn thiện, đồng bộ hạ tầng khu công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là việc nghiên cứu thi công đường nước riêng cho công tác phòng cháy chữa cháy tại khu công nghiệp Tây Bắc Ga để có đường dẫn nối cho doanh nghiệp.

2.3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tập trung hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đôn đốc các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện, đưa vào sử dụng các khu xử lý chất thải rắn đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhất là các khu xử lý chất thải rắn tổng hợp vùng liên huyện (khu vực thành phố Thanh Hóa, khu vực thị xã Bỉm Sơn); tham mưu huy động nguồn lực để đầu tư các khu xử lý chất thải rắn tập trung cho từng huyện, thị xã, thành phố bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; trước mắt tập trung ở các huyện Hậu Lộc, Hoàng Hóa, Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Yên Định, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc.

2.4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Khẩn trương lập, điều chỉnh quy hoạch chung đô thị (nếu có); tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, đáp ứng tiêu chí đô thị loại V; tổ chức lập đề án công nhận khu vực dự kiến hình thành thị trấn đạt tiêu chí đô thị loại V, đề án thành lập thị trấn, đảm bảo tiến độ thực hiện theo kế hoạch.

- Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan tại các đô thị động lực: Thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, thị xã Bỉm Sơn, thị xã Nghi Sơn, đô thị Lam Sơn - Sao Vàng. Phân đầu tỷ lệ đô thị hóa năm 2023 đạt 38% trở lên.

3. Về phát triển hệ thống hạ tầng điện

3.1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tập trung chỉ đạo phát triển hệ thống hạ tầng điện bảo đảm nguồn cung cấp điện an toàn, ổn định đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu tiêu thụ điện của Nhân dân.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án cấp điện cho 14 thôn, bản trên địa bàn huyện Mường Lát, Thường Xuân thuộc dự án cấp điện nông thôn tỉnh Thanh Hóa; phân đầu đến hết năm 2023, có 100% số thôn, bản trên địa bàn tỉnh được cấp điện từ lưới điện quốc gia.

- Tập trung thu hút đầu tư các dự án năng lượng sau khi Quy hoạch điện 8 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3.2. UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung giải phóng mặt bằng các dự án đường dây 110KV, 220KV và 500KV của Tập đoàn Điện lực thuộc phạm vi địa bàn quản lý, đảm bảo theo quy định.

3.3. Công ty Điện lực Thanh Hóa tập trung đầu tư, cải tạo, nâng cấp và chống quá tải hệ thống truyền tải điện và hệ thống trạm biến áp, đáp ứng yêu cầu sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân, nhất là khu vực thành phố, thị xã và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các nhà máy, cơ sở sản xuất quy mô lớn trên địa bàn tỉnh. Từng bước áp dụng lưới điện thông minh, công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng lưới điện phân phối, giảm tổn thất điện năng.

4. Về phát triển hạ tầng Khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp

4.1. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan

- Khẩn trương rà soát, kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đối với các dự án chậm tiến độ có nhiều vướng mắc, phải tập trung tháo gỡ, giải quyết để nhà đầu tư triển khai dự án. Đối với các dự án không có vướng mắc nhưng chậm tiến độ thì yêu cầu nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nếu trong năm 2023 vẫn chậm tiến độ thì đề xuất UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy biện pháp xử lý dứt điểm.

- Tập trung triển khai đầu tư, hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Nghi Sơn, nhất là các tuyến đường giao thông chính, tuyến nối với các đường quốc lộ, các tuyến đường gom; các dự án cấp thoát nước, cây xanh, hệ thống chiếu sáng; các khu tái định cư đã triển khai.

- Tiếp tục thu hút đầu tư và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án hạ tầng khu công nghiệp; đặc biệt là tập trung chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng; Khu công nghiệp số 3, Khu công nghiệp Đồng Vàng trong Khu Kinh tế Nghi Sơn...

4.2. Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung huy động, kêu gọi các nguồn lực để đầu tư đồng bộ hệ thống cấp điện, hệ thống hạ tầng thông tin liên lạc theo quy hoạch đã được phê duyệt, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của Khu Kinh tế Nghi Sơn.

4.3. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường thu hút đầu tư và quản lý các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; công khai lựa chọn các nhà đầu tư có năng lực tài chính, kinh nghiệm đầu tư các cụm công nghiệp trên địa bàn; tập trung chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Các cấp, các ngành, các đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 21/11/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kế hoạch hành động số 26-KH/TU ngày 13/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện khâu đột phá về phát triển hạ tầng giai đoạn 2021 - 2025.

- Tập trung tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; thực hiện có hiệu quả cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; cơ chế huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng, nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Huy động các nguồn lực để đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi đầu mối, quan trọng, xử lý các điểm xung yếu, mất an toàn trước mùa mưa bão; đầu tư xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, ưu tiên các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển; nạo vét luồng tàu và khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu thuyền, phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

V. Tăng cường đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ; phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội

1. Về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

1.1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động số 27-KH/TU ngày 13/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện khâu đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ; Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh về nâng cao năng suất, chất

lượng sản phẩm hàng hóa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025.

- Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong tất cả các lĩnh vực; chủ động, tích cực tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có phẩm chất, năng lực tốt, chuyên nghiệp. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, công nghệ trong các doanh nghiệp, trường đại học, cơ sở đào tạo gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy vai trò của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh trong thúc đẩy nghiên cứu, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025; các chương trình, kế hoạch, đề án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

1.2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; tháo gỡ vướng mắc để triển khai các dự án chuyển đổi số; huy động các nguồn lực đầu tư hạ tầng số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực theo tinh thần chỉ đạo năm 2023 của Chính phủ là *“Năm Dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới”*.

- Tham mưu xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức về công nghệ số, kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, chủ doanh nghiệp, công nhân lao động và Nhân dân trong tỉnh.

1.3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Thanh Hóa đẩy mạnh thực hiện thanh toán một số dịch vụ công thiết yếu qua hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt để thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

1.4. Các ngành, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống; tăng cường đầu tư hạ tầng phục vụ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ; tăng cường kết nối cung cầu về công nghệ; phát triển thị trường khoa học công nghệ.

2. Về các hoạt động văn hóa

2.1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan

- Tập trung tham mưu, triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng văn hóa; thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường công tác

quản lý nhà nước về di sản văn hóa; tham mưu tổ chức các hoạt động văn hóa chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển thể dục, thể thao tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó chú trọng phát triển thể thao thành tích cao.

2.2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động thông tin và truyền thông theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; tập trung tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh. Phát huy hiệu quả giá trị văn hóa, con người xứ Thanh để trở thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng, phong trào rèn luyện thân thể trong Nhân dân; tuyển chọn, luyện tập để duy trì thể thao thành tích cao trong nhóm dẫn đầu cả nước; xây dựng cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo đồng bộ.

- Duy trì kết quả và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng gia đình, làng, bản, xã, phường, cơ quan, công sở văn hóa; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về đạo đức xã hội.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa, khắc phục các vi phạm trong việc trùng tu di tích. Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản, văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền; phát triển các thiết chế văn hóa cơ sở, các thiết chế văn hóa cho người lao động.

3. Về giáo dục và đào tạo

3.1. Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tập trung thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 223/KH-UBND của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục 2021 - 2025. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì chất lượng giáo dục mũi nhọn trong top đầu cả nước; nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, thu hẹp chênh lệch chất lượng giáo dục giữa miền núi và miền xuôi.

- Tập trung thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, hình thành trường phổ thông nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh tự chủ, xã hội hóa giáo dục - đào tạo; tăng cường quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên.

- Tăng cường các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, từng bước khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên tại các địa phương; thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo.

- Tăng cường quản lý nhà nước trên tất cả các mặt của công tác giáo dục; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên ngành giáo dục; tập trung khắc phục những hạn chế, yếu kém của ngành giáo dục, nhất là công tác cán bộ; công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục; bệnh thành tích trong giáo dục.

- Tăng cường an ninh, an toàn trường học; xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân cách cho học sinh.

3.2. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đột phá, phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm đáp ứng nguồn nhân lực có kỹ năng cho thị trường lao động. Đẩy mạnh công tác đào tạo, đào tạo lại cho người lao động bị thất nghiệp; hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

- Khẩn trương rà soát, tham mưu xây dựng danh mục đầu tư, nâng cấp các trường Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025, trong đó phải sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn của tỉnh; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong quý I năm 2023.

- Tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý, xây dựng nền tảng thu thập, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu ngành dùng chung cho các cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục theo mô hình dữ liệu tập trung, cập nhật thời gian thực và có khả năng chia sẻ, liên thông với cơ sở dữ liệu của tỉnh, quốc gia; xây dựng cơ sở dữ liệu về chất lượng giáo dục phổ thông.

- Xây dựng, triển khai Hệ thống quản lý dạy học, thi kiểm tra đánh giá trực tuyến; hệ thống tuyển sinh đầu cấp trực tuyến đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; đẩy mạnh xây dựng mô hình trường học thông minh, lớp học thông minh.

4. Về y tế, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

4.1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tập trung giữ vững thành quả trong công tác phòng, chống dịch Covid-19; chủ động xây dựng và thực hiện phương án ứng phó hiệu quả với các tình huống dịch bệnh có thể xảy ra, nhất là nguy cơ “dịch chồng dịch”; thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ về Chương trình phòng, chống dịch Covid-19.

- Nâng cao chất lượng y tế các tuyến, đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị tại các bệnh viện; chuyển giao kỹ thuật điều trị chuyên sâu cho các bệnh viện tuyến dưới; tập trung giải quyết tốt tình trạng thiếu trang thiết bị, vật tư y tế, thuốc, nhân lực và vấn đề nợ đọng tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế; triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại các cơ sở khám chữa bệnh.

- Huy động các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại hóa hệ thống y tế; có giải pháp nâng cao chế độ đãi ngộ, cải thiện môi trường làm việc, biểu dương khen thưởng để động viên tinh thần lực lượng ngành y yên tâm công tác; tổ chức linh hoạt các mô hình kết hợp quân dân y khám bệnh, chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh.

- Chú trọng công tác quản lý chuyên môn tại các cơ sở y tế ngoài công lập; tăng cường kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh dược phẩm và thực phẩm chức năng; phòng chống thuốc giả, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

4.2. Các cấp, các ngành tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã xác định trong Kế hoạch thực hiện Kết luận số 624-KL/TU ngày 04/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

5. Về giải quyết việc làm, giảm nghèo, nâng cao đời sống Nhân dân

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan:

- Đẩy mạnh phát triển thông tin thị trường lao động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tăng khả năng kết nối cung - cầu lao động trên thị trường. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giải quyết việc làm cho người lao động; chú trọng giải quyết việc làm cho thanh niên, lao động trung niên, lao động yếu thế và lao động nữ; thúc đẩy chuyển dịch việc làm phi chính thức sang chính thức.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội; chế độ, chính sách đối với người có công; triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; thường xuyên thu thập, cập nhật, phân tích, đánh giá thực trạng nghèo trên địa bàn tỉnh để có giải pháp giảm nghèo bền vững.

- Tiếp tục phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; có biện pháp khắc phục tình trạng nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN trong các doanh nghiệp. Thúc đẩy các hoạt động đối thoại tại nơi làm việc, tạo nền tảng để xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định; theo dõi tình hình tranh chấp lao động, đình công, chủ động phòng ngừa và giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh.

- Xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh để phát triển trẻ em toàn diện; đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền, giáo dục chính sách pháp luật về thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại, tai nạn, thương tích đối với trẻ em. Phát huy vai trò của người cao tuổi; thực hiện tốt công tác bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ

6. Về công tác dân tộc, miền núi

6.1. Ban Dân tộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị liên quan, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn

2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 và các chương trình, dự án, chính sách cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành việc hỗ trợ đất ở và kinh phí xây dựng nhà ở đối với các hộ dân thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sinh sống trên sông trên địa bàn tỉnh.

6.2. Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển các mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm có lợi thế khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025.

- Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu xây dựng Đề án hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (giai đoạn 2016 - 2020), không thuộc diện đặc biệt khó khăn (giai đoạn 2021 - 2025) phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững; trong đó nghiên cứu, đề xuất một số cơ chế hỗ trợ học sinh, cán bộ, viên chức, người lao động tại các xã nêu trên.

VI. Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

1.1. Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về khai thác và sử dụng khoáng sản; ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp khai thác, tập kết, vận chuyển khoáng sản trái phép.

- Tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp giải quyết, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý đất đai; quản lý chặt chẽ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo quy định; tham mưu thu hồi các dự án sử dụng đất vi phạm các quy định của Nhà nước.

- Tập trung thực hiện việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên trên địa bàn.

- Hoàn thành việc sửa đổi quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện các dự án Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 và trên địa bàn Khu kinh tế Nghi Sơn theo Quyết định số 3161/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong tháng 01 năm 2023.

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch giải phóng mặt bằng các dự án sử dụng đất năm 2023, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong tháng 01 năm 2023; đồng thời, tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng.

- Tập trung chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn hoàn thành việc lập, thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023 và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021 - 2030.

- Tập trung xử lý các điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Tăng cường bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp và làng nghề, khu vực đầu nguồn các sông lớn; thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư. Tăng cường thu hút đầu tư các dự án thu gom và xử lý chất thải rắn tập trung.

1.2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Khẩn trương thực hiện việc đo đạc bản đồ giải thửa, cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính trên địa bàn toàn tỉnh, đảm bảo hoàn thành trong năm 2023.

- Khẩn trương rà soát, hoàn chỉnh Đề án di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, khu đô thị vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trong tháng 01 năm 2023.

1.3. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng đối với từng dự án trên địa bàn, bảo đảm hoàn thành đúng kế hoạch. Trước mắt, phải đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các khu tái định cư để thực hiện di dân, giải phóng mặt bằng.

- Phối hợp với các ngành chức năng cấp tỉnh giải quyết các vướng mắc về bồi thường giải phóng mặt bằng; giải quyết kịp thời khiếu kiện, khiếu nại của người dân về công tác giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh về tiến độ GPMB tại địa phương.

2. Về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

2.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; kịp thời báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

2.2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cho Bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ, Dự bị động viên tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025; kịp thời báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

2.3. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án nâng cao năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên khu vực biên giới, vùng biển tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030; kịp thời báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

2.4. UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chủ trì để triển khai thực hiện tốt các đề án nêu trên; khẩn trương rà soát, hoàn thiện phương án phòng chống thiên tai trên địa bàn; chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa và kịp thời ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ khi có tình huống xảy ra.

2.5. Đài Khí tượng Thủy văn Thanh Hóa theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, kịp thời phát tin dự báo, cảnh báo, cung cấp thông tin cho các cơ quan, đơn vị liên quan thông tin cho người dân biết để phòng, tránh và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp.

VII. Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng; giải quyết có hiệu quả khiếu nại, tố cáo

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả; đẩy mạnh cơ chế tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục triển khai việc nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa, đảm bảo theo quy định.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức; kiên quyết điều chuyển, thay thế những cán bộ, công chức, viên chức năng lực yếu kém, vi phạm kỷ luật, kỷ cương.

2. Văn phòng UBND tỉnh

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và việc thực hiện Quy chế làm việc, Chương trình công tác năm 2023 của UBND tỉnh.

- Chỉ đạo Tổ công tác khẩn trương xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh năm 2023; hoàn thành trong tháng 01 năm 2023.

3. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao

- Chủ động tham mưu, thực hiện cơ chế phân cấp, phân quyền, đảm bảo thống nhất, hiệu lực, hiệu quả, đề cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện cơ chế cạnh tranh, công khai, minh bạch, dân chủ trong công tác cán bộ.

- Tăng cường thực hiện văn hóa công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính. Kiên quyết thực hiện điều chuyển, sắp xếp lại đối với cán bộ, công chức, viên chức có năng lực yếu, vi phạm đạo đức công vụ và kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ và các chỉ tiêu được giao.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính và chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp; nâng cao tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình các cấp, đảm bảo mục tiêu đề ra.

- Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện cải cách hành chính, giai đoạn 2021 - 2025; Đề án Chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tập trung triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng theo quy định của pháp luật; trọng tâm là nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo phòng chống tham nhũng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống tham nhũng; thực hiện kịp thời, đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân; phối hợp chặt chẽ với Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức thành viên, các cơ quan báo chí trong việc thực thi Luật phòng chống tham nhũng.

- Trên cơ sở những hạn chế, yếu kém được chỉ ra tại Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 07/12/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết số 327/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Báo cáo số 231/BC-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh, khẩn trương xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế, yếu kém thuộc trách nhiệm của ngành, địa phương, đơn vị mình, trong đó phải xác định rõ các công việc cần triển khai thực hiện, phân công lãnh đạo ngành, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, đơn vị chủ trì thực hiện, dự kiến thời gian hoàn thành và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/02/2023 để tổng hợp.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tham mưu xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế, yếu kém trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2022; báo cáo UBND tỉnh trước ngày 28/02/2023.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định; sắp xếp tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trách nhiệm quản lý.

5. Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với từng đối tượng, địa bàn cụ thể. Nâng cao chất lượng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; thường xuyên theo dõi, đôn đốc xử lý các văn bản trái quy định của pháp luật.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tiếp công dân, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; khắc phục sự chông chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra. Chủ động giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến tôn giáo, dân tộc; giải quyết kịp thời, hiệu quả đơn thư khiếu nại, tố cáo, các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh từ cơ sở, các vụ việc mới phát sinh ngay tại cơ sở, hạn chế tối đa khiếu kiện vượt cấp; tập trung rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu kiện tồn đọng, kéo dài.

6. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, các ngành, đơn vị khẩn trương, chủ động tham mưu xây dựng kế hoạch hoặc ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do ngành, đơn vị mình theo dõi chỉ đạo, hoàn thành trước ngày 31/01/2023; cụ thể như sau:

- Sở Y tế xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành các quy định trong lĩnh vực y tế, nhất là kiểm tra về điều kiện và việc chấp hành quy định về phòng, chống các loại dịch bệnh tại các ngành, địa phương.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công, trọng tâm là dự án sử dụng vốn ODA, vốn ngân sách Trung ương; kiểm tra các dự án đầu tư của doanh nghiệp, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

- Sở Tư pháp xây dựng kế hoạch kiểm tra hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

- Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác xử lý ô nhiễm môi trường, chất thải rắn sinh hoạt, khai thác khoáng sản trái phép, quản lý đất đai.

- Sở Xây dựng xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác quản lý quy hoạch, đô thị, trật tự xây dựng, chất lượng công trình xây dựng, các vấn đề về vật liệu xây dựng của các dự án đầu tư trên địa bàn.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch kiểm tra tiến độ các dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, phòng chống thiên tai, cháy rừng, chống khai thác IUU, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành quy định đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại các doanh nghiệp.

- Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính, kiểm tra công vụ tại các cơ quan, đơn vị; tiến độ chỉnh lý tài liệu tồn đọng và số hóa tài liệu lưu trữ tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử.

VIII. Củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

1. Các lực lượng vũ trang

- Tăng cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh Nhân dân, biên phòng toàn dân; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của lực lượng quân sự, công an, biên phòng. Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ.

- Thực hiện tốt kế hoạch tuyên quân, công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các đề án của tỉnh về bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ biên giới.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường giải pháp kiềm chế, kéo giảm số vụ vi phạm về trật tự an toàn xã; tập trung đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm liên quan đến tín dụng đen, tội phạm đánh bạc, các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao. Phát hiện, xử lý có hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự, không để phát sinh thành “điểm nóng” về an ninh trật tự.

2. Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Ban An toàn giao thông tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ, nhất là giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy; tăng cường quản lý lòng, lề đường, vỉa hè và kiểm soát tải trọng xe ô tô, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

F. GIAO CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ NĂM 2023

1. Giao chỉ tiêu về diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, theo hướng công nghệ cao; chỉ tiêu về số huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới (bao gồm chỉ tiêu về nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu) và chỉ tiêu cụ thể về số sản phẩm OCOP mới được đánh giá, xếp hạng năm 2023 tại Phụ lục 1.

2. Giao chỉ tiêu về tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình năm 2023 tại Phụ lục 2.

3. Giao chỉ tiêu về diện tích GPMB năm 2023 tại Phụ lục 3.

4. Giao chỉ tiêu về thành lập mới doanh nghiệp và thành lập mới hợp tác xã năm 2023 tại Phụ lục 4.

5. Giao chỉ tiêu về số trường học (các cấp học) đạt chuẩn quốc gia năm 2023 tại Phụ lục 5.

6. Giao chỉ tiêu về số xã, phường, thị trấn năm 2023 đạt tiêu chí quốc gia về y tế tại Phụ lục 6.

7. Giao chỉ tiêu về dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng dân số năm 2023 tại Phụ lục 7.

8. Giao chỉ tiêu về công nhận khu dân cư, gia đình văn hóa năm 2023 tại Phụ lục 8.

9. Giao chỉ tiêu về giảm số hộ nghèo năm 2023 tại Phụ lục 9.

10. Giao chỉ tiêu về mục tiêu xây dựng xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chí kiểu mẫu năm 2023 tại Phụ lục 10.

11. Giao chỉ tiêu về tỷ lệ đô thị hóa năm 2023 tại Phụ lục 11.

12. Giao chỉ tiêu về an toàn thực phẩm năm 2023 (bao gồm chỉ tiêu về sản phẩm nông nghiệp an toàn trên tổng sản phẩm tiêu thụ trên địa bàn; xây dựng chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn; cơ sở giết mổ, chợ, cửa hàng kinh doanh thực phẩm, bếp ăn đảm bảo an toàn thực phẩm; số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao) tại Phụ lục 12.

13. Giao chỉ tiêu về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2023 tại Phụ lục 13.

G. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Kế hoạch này, tổ chức quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên; khẩn trương ban hành kế hoạch hành động của ngành, địa phương, đơn vị mình trước ngày 31/01/2023 để triển khai thực hiện; đối với các chỉ tiêu chủ yếu do ngành, địa phương, đơn vị mình được giao nhiệm vụ chủ trì, phải xây dựng kế hoạch chi tiết, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và phân công cụ thể cho tập thể, cá nhân liên quan, đồng thời tập trung chỉ đạo quyết liệt, đảm bảo thực hiện theo đúng tiến độ và thời gian quy định.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm theo dõi, định kỳ báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu vào ngày 15 của tháng cuối quý và gửi về Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Các ngành, địa phương, đơn vị chủ động triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thuộc ngành, địa phương, đơn vị mình; nắm chắc tình hình thực hiện các chỉ tiêu được giao và đề xuất với UBND tỉnh các giải pháp để triển khai hoàn thành các chỉ tiêu được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã quyết nghị. Các ngành, địa phương, đơn vị không hoàn thành chỉ tiêu được giao, người đứng đầu và tập thể lãnh đạo ngành, địa phương, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

4. Phân công hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 1.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 2.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 3, 13.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 4.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 5.

- Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 6; phối hợp với Bảo hiểm Xã hội tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 7.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 8.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 9.

- Sở Nội vụ chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 10.

- Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 11.

- Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh chủ trì, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 12.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Y tế, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 12 (Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh để tổng hợp).

5. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các cơ quan thông tấn, báo chí, các ngành, địa phương, đơn vị để tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch hành động này.

6. Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt các công việc được giao, đảm bảo chất lượng và hoàn thành đúng thời gian quy định; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện và kiến nghị với Chủ tịch UBND tỉnh xử lý trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị không thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh./.

Phụ lục 1:**GIAO CHỈ TIÊU DIỆN TÍCH ĐẤT ĐƯỢC TÍCH TỤ, TẬP TRUNG ĐỂ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP QUY MÔ LỚN, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, THEO HƯỚNG CÔNG NGHỆ CAO VÀ CHỈ TIÊU VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, SỐ SẢN PHẨM OCOP ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CẤP TỈNH NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023)

Số TT	Huyện, thị xã, thành phố	Chỉ tiêu về tích tụ, tập trung đất đai (ha)	Chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới				Chỉ tiêu về số sản phẩm OCOP được xếp hạng
			Huyện NTM	Xã NTM	Xã NTM nâng cao	Xã NTM kiểu mẫu	
	Tổng cộng	7.100	1	17	22	8	120
1	Thành phố Thanh Hóa	70					8
2	Thành phố Sầm Sơn	15					2
3	Thị xã Bỉm Sơn	45					1
4	Thị xã Nghi Sơn	230		1			2
5	Huyện Thọ Xuân	230			3	1	5
6	Huyện Đông Sơn	65			1	1	2
7	Huyện Nông Cống	500			1	1	6
8	Huyện Triệu Sơn	290			2	1	8
9	Huyện Quảng Xương	290			1	1	7
10	Huyện Hà Trung	150	1		1		4
11	Huyện Nga Sơn	135			2		5
12	Huyện Yên Định	350			2		10
13	Huyện Thiệu Hóa	170			1		10
14	Huyện Hoằng Hóa	210			2	2	5
15	Huyện Hậu Lộc	210			1		5
16	Huyện Vĩnh Lộc	160			1	1	4
17	Huyện Thạch Thành	420		2			3
18	Huyện Cẩm Thủy	450		3			3
19	Huyện Ngọc Lặc	500		3			5
20	Huyện Lang Chánh	450		1	1		3
21	Huyện Như Xuân	440		1	1		3
22	Huyện Như Thanh	360		1			3
23	Huyện Thường Xuân	360		1	1		4
24	Huyện Bá Thước	385		2			3
25	Huyện Quan Hóa	255		1			2
26	Huyện Quan Sơn	255		1	1		6
27	Huyện Mường Lát	105					1

Phụ lục 2:
GIAO CHỈ TIÊU VỀ TỶ LỆ NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN VÀ TỶ LỆ HỒ SƠ TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023)

Số TT	Tên đơn vị	Giao chỉ tiêu năm 2023 (%)	
		Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến ⁽¹⁾	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình ⁽²⁾
1	Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh	90	85
2	UBND các huyện, thị xã, thành phố	87	80
3	UBND các xã, phường, thị trấn	60	60

⁽¹⁾ Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến được tính như sau:

- Số lượng hồ sơ trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến toàn trình đang cung cấp (gọi là a).
- Số lượng hồ sơ trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến một phần cho phép nộp hồ sơ trực tuyến (gọi là b).
- Số lượng hồ sơ gồm cả trực tuyến và không trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến toàn trình đang cung cấp (gọi là c).
- Số lượng hồ sơ gồm cả trực tuyến và không trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến một phần cho phép nộp hồ sơ trực tuyến (gọi là d).
- Tỷ lệ = $(a+b)/(c+d) \times 100\%$.

⁽²⁾ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình được tính như sau:

- Số lượng hồ sơ trực tuyến (không sử dụng bản giấy) của dịch vụ công trực tuyến toàn trình đang cung cấp (gọi là a).
- Số lượng hồ sơ gồm cả trực tuyến và không trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến toàn trình đang cung cấp (gọi là b).
- Tỷ lệ = $a/b \times 100\%$.

Phụ lục 3:
GIAO CHỈ TIÊU GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023)

Số TT	Huyện, thị xã, thành phố	Số dự án	Diện tích cần GPMB năm 2023 (ha)	Trong đó			
				Dự án đầu tư công		Dự án đầu tư của doanh nghiệp	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	Toàn tỉnh	733	2.349,72	586	1.368,46	147	981,26
1	Thị xã Nghi Sơn	39	468,29	29	214,82	10	253,47
2	Huyện Quảng Xương	20	168,09	10	64,73	10	103,36
3	Huyện Nga Sơn	27	42,11	23	37,78	4	4,33
4	Huyện Thiệu Hóa	38	89,83	38	89,83		
5	Thành phố Sầm Sơn	24	61,80	19	48,08	5	13,72
6	Huyện Hà Trung	57	118,77	50	79,24	7	39,53
7	Huyện Thạch Thành	17	79,71	13	69,59	4	10,12
8	Thành phố Thanh Hóa	22	95,96	7	19,40	15	76,56
9	Huyện Ngọc Lặc	23	47,07	20	39,64	3	7,43
10	Huyện Lang Chánh	10	24,22	9	20,57	1	3,65
11	Huyện Yên Định	32	70,51	29	62,36	3	8,15
12	Huyện Như Thanh	30	65,54	23	28,97	7	36,57
13	Huyện Đông Sơn	23	66,49	20	63,09	3	3,40
14	Huyện Triệu Sơn	19	53,38	14	45,39	5	7,99
15	Huyện Nông Cống	40	59,21	32	45,65	8	13,56
16	Huyện Như Xuân	60	350,21	37	61,74	23	288,47
17	Huyện Thường Xuân	21	42,87	14	34,51	7	8,36
18	Huyện Quan Sơn	7	20,14	7	20,14		
19	Huyện Mường Lát	12	27,94	12	27,94		
20	Huyện Quan Hóa	28	28,09	25	27,99	3	0,10
21	Thị xã Bim Sơn	18	25,55	7	8,42	11	17,13
22	Huyện Bá Thước	12	10,23	12	10,23		
23	Huyện Cẩm Thủy	20	49,05	15	27,42	5	21,63
24	Huyện Hoằng Hóa	35	76,40	35	76,40		
25	Huyện Hậu Lộc	23	62,23	22	61,00	1	1,23
26	Huyện Vĩnh Lộc	31	89,66	26	46,26	5	43,40
27	Huyện Thọ Xuân	45	56,37	38	37,27	7	19,10

Phụ lục 4:
GIAO CHỈ TIÊU THÀNH LẬP MỚI DOANH NGHIỆP
VÀ THÀNH LẬP MỚI HỢP TÁC XÃ NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023)

Số TT	Huyện, thị xã, thành phố	Chỉ tiêu thành lập mới doanh nghiệp năm 2023	Chỉ tiêu thành lập mới hợp tác xã năm 2023
	Tổng số	3.000	25
I	Khu vực đồng bằng	2.150	9
1	TP. Thanh Hóa	1.510	2
2	Thị xã Bỉm Sơn	75	
3	Huyện Thọ Xuân	150	1
4	Huyện Đông Sơn	60	1
5	Huyện Nông Cống	65	1
6	Huyện Triệu Sơn	70	1
7	Huyện Hà Trung	50	
8	Huyện Yên Định	70	1
9	Huyện Thiệu Hóa	55	1
10	Huyện Vĩnh Lộc	45	1
II	Khu vực ven biển	595	6
1	Thành phố Sầm Sơn	140	
2	Thị xã Nghi Sơn	150	2
3	Huyện Hậu Lộc	55	
4	Huyện Hoằng Hóa	110	2
5	Huyện Quảng Xương	90	2
6	Huyện Nga Sơn	50	
III	Khu vực miền núi	255	10
1	Huyện Thạch Thành	45	
2	Huyện Cẩm Thủy	40	1
3	Huyện Ngọc Lặc	40	2
4	Huyện Lang Chánh	15	1
5	Huyện Như Xuân	15	1
6	Huyện Như Thanh	40	1
7	Huyện Thường Xuân	20	
8	Huyện Bá Thước	15	1
9	Huyện Quan Hóa	10	1
10	Huyện Quan Sơn	10	1
11	Huyện Mường Lát	5	1

Phụ lục 5:
GIAO CHỈ TIÊU TỶ LỆ TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023)

Số TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng số cơ sở giáo dục hiện có	Giao chỉ tiêu đến hết năm 2023	
			Số trường đạt chuẩn	Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia (%)
	TOÀN TỈNH	2.055	1.743	84,82
1	Huyện Bá Thước	74	48	64,86
2	Huyện Cẩm Thủy	59	53	89,83
3	Huyện Đông Sơn	40	37	92,50
4	Huyện Hà Trung	71	68	95,77
5	Huyện Hậu Lộc	85	80	94,12
6	Huyện Hoằng Hóa	129	127	98,45
7	Huyện Lang Chánh	32	26	81,25
8	Huyện Mường Lát	59	12	20,34
9	Huyện Nga Sơn	85	78	91,76
10	Huyện Ngọc Lặc	79	72	91,14
11	Huyện Như Thanh	50	46	92,00
12	Huyện Như Xuân	51	40	78,43
13	Huyện Nông Cống	103	95	92,23
14	Huyện Quan Hóa	51	28	54,90
15	Huyện Quan Sơn	69	28	40,58
16	Huyện Quảng Xương	90	89	98,89
17	Huyện Thạch Thành	93	71	76,34
18	Huyện Thiệu Hóa	82	81	98,78
19	Huyện Thọ Xuân	113	106	93,81
20	Huyện Thường Xuân	61	51	83,61
21	Thành phố Sầm Sơn	42	38	90,48
22	Thành phố Thanh Hóa	157	132	84,08
23	Huyện Triệu Sơn	108	106	98,15
24	Thị xã Bim Sơn	27	25	92,59
25	Thị xã Nghi Sơn	111	79	71,17
26	Huyện Vĩnh Lộc	47	44	93,62
27	Huyện Yên Định	87	83	95,40

Phụ lục 6:
GIAO CHỈ TIÊU SỐ XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023)

Số TT	Huyện, thị xã, thành phố	Số xã, phường, thị trấn	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế năm 2022	Giao chỉ tiêu số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế năm 2023
	Toàn tỉnh	559	544	559
1	Thành phố Thanh Hóa	34	34	34
2	Thành phố Sầm Sơn	11	11	11
3	Thị xã Bỉm Sơn	7	7	7
4	Thị xã Nghi Sơn	31	31	31
5	Huyện Mường Lát	8	8	8
6	Huyện Quan Hóa	15	15	15
7	Huyện Bá Thước	21	19	21
8	Huyện Quan Sơn	12	12	12
9	Huyện Lang Chánh	10	9	10
10	Huyện Ngọc Lặc	21	20	21
11	Huyện Cẩm Thủy	17	17	17
12	Huyện Thạch Thành	25	25	25
13	Huyện Hà Trung	20	20	20
14	Huyện Vĩnh Lộc	13	13	13
15	Huyện Yên Định	26	26	26
16	Huyện Thọ Xuân	30	30	30
17	Huyện Thường Xuân	16	15	16
18	Huyện Triệu Sơn	34	34	34
19	Huyện Thiệu Hóa	25	25	25
20	Huyện Hoằng Hóa	37	37	37
21	Huyện Hậu Lộc	23	23	23
22	Huyện Nga Sơn	24	24	24
23	Huyện Như Xuân	16	16	16
24	Huyện Như Thanh	14	14	14
25	Huyện Nông Cống	29	29	29
26	Huyện Đông Sơn	14	14	14
27	Huyện Quảng Xương	26	26	26

Phụ lục 7:
GIAO CHỈ TIÊU DÂN SỐ THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ
TRÊN TỔNG DÂN SỐ NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023)

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (%)	Ghi chú
	TOÀN TỈNH	93,00	
1	Thành phố Thanh Hóa	92,50	
2	Thị xã Bỉm Sơn	95,00	
3	Thành phố Sầm Sơn	92,50	
4	Huyện Mường Lát	95,25	
5	Huyện Quan Hóa	95,15	
6	Huyện Bá Thước	94,00	
7	Huyện Quan Sơn	95,15	
8	Huyện Lang Chánh	92,50	
9	Huyện Ngọc Lặc	92,50	
10	Huyện Cẩm Thủy	92,50	
11	Huyện Thạch Thành	92,50	
12	Huyện Hà Trung	92,50	
13	Huyện Vĩnh Lộc	92,50	
14	Huyện Yên Định	93,75	
15	Huyện Thọ Xuân	95,25	
16	Huyện Thường Xuân	93,50	
17	Huyện Triệu Sơn	93,50	
18	Huyện Thiệu Hóa	92,50	
19	Huyện Hoằng Hóa	92,00	
20	Huyện Hậu Lộc	92,00	
21	Huyện Nga Sơn	92,00	
22	Huyện Như Xuân	93,90	
23	Huyện Như Thanh	93,25	
24	Huyện Nông Cống	92,00	
25	Huyện Đông Sơn	92,50	
26	Huyện Quảng Xương	93,25	
27	Thị xã Nghi Sơn	92,25	

Phụ lục 8:
GIAO CHỈ TIÊU CÔNG NHẬN DANH HIỆU KHU DÂN CƯ VĂN HÓA,
DANH HIỆU GIA ĐÌNH VĂN HÓA NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023)

Số TT	Huyện, thị xã, thành phố	GIA ĐÌNH VĂN HÓA					KHU DÂN CƯ VĂN HÓA				
		Thực hiện năm 2022			KH năm 2023		Tổng số thôn, bản, tổ dân phố	Thực hiện năm 2022		KH năm 2023	
		Tổng số hộ gia đình	Số hộ được công nhận gia đình văn hóa năm 2022	Tỷ lệ (%)	Số hộ dự kiến công nhận gia đình văn hóa năm 2023	Tỷ lệ (%)		Số thôn, bản, tổ dân phố được công nhận văn hóa năm 2022	Tỷ lệ (%)	Số thôn, bản, tổ dân phố dự kiến công nhận văn hóa năm 2023	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	965.401	807.909	83,7	776.775	80,5	4.357	3.630	83,3	3.475	79,8
1	Thành phố Thanh Hóa	91.354	77.966	85,3	78.001	85,4	311	259	83,3	260	83,6
2	Thành phố Sầm Sơn	29.897	26.010	87,0	25.711	86,0	86	61	70,9	64	74,4
3	Thị xã Bỉm Sơn	17.005	14.539	85,5	14.029	82,5	58	52	89,7	47	81,0
4	Thị xã Nghi Sơn	67.352	53.647	79,7	43.772	65,0	238	186	78,2	135	56,7
5	Huyện Thọ Xuân	56.701	52.747	93,0	48.195	85,0	274	259	94,5	241	88,0
6	Huyện Nông Cống	49.730	40.798	82,0	39.223	78,9	201	161	80,1	155	77,1
7	Huyện Đông Sơn	22.421	20.725	92,4	20.525	91,5	94	88	93,6	87	92,6
8	Huyện Triệu Sơn	57.531	46.715	81,2	47.175	82,0	254	215	84,6	220	86,6

Số TT	Huyện, thị xã, thành phố	GIA ĐÌNH VĂN HÓA					KHU DÂN CƯ VĂN HÓA				
		Thực hiện năm 2022			KH năm 2023		Tổng số thôn, bản, tổ dân phố	Thực hiện năm 2022		KH năm 2023	
		Tổng số hộ gia đình	Số hộ được công nhận gia đình văn hóa năm 2022	Tỷ lệ (%)	Số hộ dự kiến công nhận gia đình văn hóa năm 2023	Tỷ lệ (%)		Số thôn, bản, tổ dân phố được công nhận văn hóa năm 2022	Tỷ lệ (%)	Số thôn, bản, tổ dân phố dự kiến công nhận văn hóa năm 2023	Tỷ lệ (%)
9	Huyện Quảng Xương	50.291	40.774	81,1	41.490	82,5	188	153	81,4	155	82,5
10	Huyện Hà Trung	32.847	28.847	87,8	27.265	83,0	143	127	88,8	119	83,2
11	Huyện Nga Sơn	39.677	34.609	87,2	34.609	87,2	168	160	95,2	155	92,3
12	Huyện Yên Định	44.021	41.189	93,6	41.291	93,8	149	145	97,3	145	97,3
13	Huyện Thiệu Hóa	43.639	37.562	86,1	36.512	83,7	167	145	86,8	132	79,0
14	Huyện Hoằng Hóa	61.950	51.494	83,1	49.560	80,0	243	236	97,1	207	85,2
15	Huyện Hậu Lộc	45.639	39.949	87,5	38.292	83,9	153	145	94,8	144	94,1
16	Huyện Vĩnh Lộc	24.090	23.391	97,1	21.680	90,0	111	110	99,1	100	90,1
17	Huyện Thạch Thành	35.938	29.404	81,8	27.012	75,2	199	162	81,4	140	70,4
18	Huyện Cẩm Thủy	28.930	24.950	86,2	18.810	65,0	119	80	67,2	72	60,5
19	Huyện Ngọc Lặc	34.626	27.364	79,0	27.048	78,1	213	177	83,1	156	73,2
20	Huyện Lang Chánh	11.566	6.612	57,2	6.638	57,4	78	40	51,3	55	70,5
21	Huyện Như Xuân	16.783	12.773	76,1	12.773	76,1	127	104	81,9	104	82,0
22	Huyện Như Thanh	24.167	18.960	78,5	19.060	78,9	159	128	80,5	132	83,0

Số TT	Huyện, thị xã, thành phố	GIA ĐÌNH VĂN HÓA					KHU DÂN CƯ VĂN HÓA				
		Thực hiện năm 2022			KH năm 2023		Tổng số thôn, bản, tổ dân phố	Thực hiện năm 2022		KH năm 2023	
		Tổng số hộ gia đình	Số hộ được công nhận gia đình văn hóa năm 2022	Tỷ lệ (%)	Số hộ dự kiến công nhận gia đình văn hóa năm 2023	Tỷ lệ (%)		Số thôn, bản, tổ dân phố được công nhận văn hóa năm 2022	Tỷ lệ (%)	Số thôn, bản, tổ dân phố dự kiến công nhận văn hóa năm 2023	Tỷ lệ (%)
23	Huyện Thường Xuân	22.888	17.361	75,9	17.587	76,8	124	71	57,3	74	59,7
24	Huyện Bá Thước	26.362	20.473	77,7	21.003	79,7	205	159	77,6	164	80,0
25	Huyện Quan Hóa	11.383	6.777	59,5	7.301	64,1	107	75	70,1	79	73,8
26	Huyện Quan Sơn	9.882	6.523	66,0	6.423	65,0	94	70	74,5	70	74,5
27	Huyện Mường Lát	8.731	5.750	65,9	5.790	66,3	88	62	70,5	63	71,6

Phụ lục 9:
GIAO CHỈ TIÊU GIẢM NGHÈO NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023)

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số hộ nghèo đầu năm 2023	Chỉ tiêu giảm số hộ nghèo năm 2023	Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2023	Dự kiến số hộ nghèo cuối năm 2023	Dự kiến tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023
	TOÀN TỈNH	49.893	11.957	1,20	37.936	3,79
I	Khu vực huyện, thị xã	3.392	646	0,29	2.746	1,23
1	TP Thanh Hoá	137	31	0,03	106	0,10
2	TX Bim Sơn	203	45	0,27	158	0,93
3	TP Sầm Sơn	480	70	0,23	410	1,37
4	TX Nghi Sơn	2.572	500	0,70	2.072	2,89
II	Khu vực đồng bằng, ven biển	11.272	2840	0,52	8.432	1,55
*	Khu vực đồng bằng	6.243	1462	0,43	4.781	1,39
5	Vĩnh Lộc	491	155	0,62	336	1,34
6	Nông Cống	1.012	225	0,45	787	1,57
7	Thiệu Hoá	600	150	0,33	450	0,99
8	Triệu Sơn	1.195	360	0,63	835	1,45
9	Yên Định	617	100	0,20	517	1,05
10	Thọ Xuân	1.249	246	0,42	1.003	1,71
11	Hà Trung	1.003	210	0,62	793	2,33
12	Đông Sơn	76	16	0,07	60	0,27
*	Khu vực ven biển	5.029	1378	0,68	3.651	1,80
13	Quảng Xương	876	175	0,33	701	1,32
14	Hoằng Hoá	2.037	696	1,11	1.341	2,14
15	Hậu Lộc	1.262	285	0,61	977	2,09
16	Nga Sơn	854	222	0,55	632	1,56
III	Khu vực miền núi	35.229	8471	3,65	26.758	11,54
*	Các huyện miền núi thấp	10.405	3096	2,19	7.309	5,16
17	Như Thanh	1.624	492	2,05	1.132	4,72
18	Thạch Thành	2.571	892	2,45	1.679	4,61
19	Cẩm Thủy	1.365	355	1,20	1.010	3,43
20	Ngọc Lặc	2.618	817	2,33	1.801	5,14
21	Như Xuân	2.227	540	3,25	1.687	10,16
*	Các huyện nghèo	24.824	5375	5,95	19.449	21,53
22	Thường Xuân	4.886	1334	5,83	3.552	15,53
23	Lạng Chánh	2.954	676	5,78	2.278	19,49
24	Bá Thước	6.328	1550	5,85	4.778	18,02
25	Quan Hóa	3.154	630	5,62	2.524	22,53
26	Quan Sơn	3.299	515	5,57	2.784	30,09
27	Mường Lát	4.203	670	7,61	3.533	40,11

Phụ lục 10:
GIAO CHỈ TIÊU CỤ THỂ VỀ XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN,
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐẠT TIÊU CHÍ KIỂU MẪU NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023)

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Công đoàn cơ sở khu vực Nhà nước		Công đoàn cơ sở khu vực ngoài Nhà nước	Kết quả thực hiện			Tổng thực hiện đến 08/12/2022	Chỉ tiêu năm 2023	
		Tổng số	Số xã		Tổng đến năm 2020	Năm 2021	Năm 2022		Tổng số	Trong đó số xã, phường
	TỔNG TOÀN TỈNH	3.798	559	767	514	193	155	862	82	8
I	KHỐI HUYỆN	2.652	559	525	461	174	138	773	57	
1	Thành phố Thanh Hóa	170	34	102	40	26	10	76	3	1
2	Thị xã Bỉm Sơn	40	7	47	12	0	4	16	1	
3	Thành phố Sầm Sơn	61	11	30	7	4	7	18	1	
4	Huyện Nga Sơn	112	24	21	15	5	5	25	3	1
5	Thị xã Nghi Sơn	143	31	9	24	6	3	33	1	
6	Huyện Hoằng Hóa	167	37	39	22	15	11	48	3	1
7	Huyện Hậu Lộc	114	23	22	18	8	9	35	2	
8	Huyện Quảng Xương	120	26	29	21	9	7	37	3	1
9	Huyện Thọ Xuân	148	30	22	29	8	9	46	3	1
10	Huyện Đông Sơn	56	14	19	21	6	5	32	2	
11	Huyện Yên Định	115	26	21	25	10	4	39	2	
12	Huyện Hà Trung	98	20	23	30	9	4	43	2	1
13	Huyện Vĩnh Lộc	65	13	15	13	4	4	21	2	1
14	Huyện Nông Cống	135	29	22	27	11	7	45	3	

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Công đoàn cơ sở khu vực Nhà nước		Công đoàn cơ sở khu vực ngoài Nhà nước	Kết quả thực hiện			Tổng thực hiện đến 08/12/2022	Chỉ tiêu năm 2023	
		Tổng số	Số xã		Tổng đến năm 2020	Năm 2021	Năm 2022		Tổng số	Trong đó số xã, phường
15	Huyện Thiệu Hóa	112	25	11	21	2	7	30	2	1
16	Huyện Triệu Sơn	147	34	26	27	15	6	48	3	
17	Huyện Thạch Thành	122	25	19	15	6	4	25	2	
18	Huyện Thường Xuân	81	16	2	7	4	3	14	2	
19	Huyện Ngọc Lặc	102	21	7	8	5	4	17	2	
20	Huyện Cẩm Thủy	80	17	7	11	6	8	25	2	
21	Huyện Như Thanh	66	14	9	17	8	4	29	2	
22	Huyện Như Xuân	72	16	6	11	3	2	16	2	
23	Huyện Lang Chánh	49	10	1	7	2	1	10	2	
24	Huyện Bá Thước	99	21	9	18	0	3	21	2	
25	Huyện Quan Hóa	71	15	6	8	0	3	11	2	
26	Huyện Quan Sơn	61	12	0	7	2	3	12	2	
27	Huyện Mường Lát	46	8	1	0	0	1	1	1	
II	KHỐI SỞ, NGÀNH	265		242	23	9	13	45	17	
III	KHỐI CÔNG AN, QUÂN SỰ	114			13	1	0	14	6	
IV	KHỐI DOANH NGHIỆP	676		676	17	9	4	30	2	

Phụ lục 11:
GIAO CHỈ TIÊU CỤ THỂ VỀ TỶ LỆ ĐÔ THỊ HÓA NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023)

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Chỉ tiêu năm 2023 (%)	Ghi chú
	TOÀN TỈNH	38,0	
1	Thành phố Thanh Hóa	92,82	Sáp nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa
2	Thành phố Sầm Sơn	95,74	
3	Thị xã Bỉm Sơn	86,0	
4	Huyện Thọ Xuân	16,0	
5	Huyện Đông Sơn		Sáp nhập vào thành phố Thanh Hóa
6	Huyện Nông Cống	8,0	
7	Huyện Triệu Sơn	13,1	
8	Huyện Quảng Xương	16,6	
9	Huyện Hà Trung	9,08	
10	Huyện Nga Sơn	9,71	
11	Huyện Yên Định	22,48	
12	Huyện Thiệu Hóa	11,49	
13	Huyện Hoằng Hóa	5,92	
14	Huyện Hậu Lộc	7,26	
15	Thị xã Nghi Sơn	79,09	
16	Huyện Vĩnh Lộc	9,63	
17	Huyện Thạch Thành	20,42	
18	Huyện Cẩm Thủy	20,41	
19	Huyện Ngọc Lặc	19,32	
20	Huyện Lang Chánh	19,5	
21	Huyện Như Xuân	14,79	
22	Huyện Như Thanh	11,29	
23	Huyện Thường Xuân	11,41	
24	Huyện Bá Thước	9,65	
25	Huyện Quan Hóa	15,8	
26	Huyện Quan Sơn	14,3	
27	Huyện Mường Lát	18,8	

Phụ lục 12:
GIAO CHỈ TIÊU CỤ THỂ VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM CHO CÁC ĐƠN VỊ NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023)

Số TT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu thực phẩm tiêu dùng chủ yếu thông qua chuỗi								Chỉ tiêu xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn				Chỉ tiêu xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm an toàn thực phẩm	Chỉ tiêu xây dựng Chợ kinh doanh thực phẩm	Chỉ tiêu cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn	Chỉ tiêu xây dựng xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm	Chỉ tiêu xây dựng xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm nâng cao
		Gạo		Rau, quả		Thịt gia súc, gia cầm		Thủy sản (tôm, cá)		Lúa, gạo	Rau, quả	Thịt gia súc, gia cầm	Thủy sản					
		Sản lượng (tấn)	Tỷ lệ %	Sản lượng (tấn)	Tỷ lệ %	Sản lượng (tấn)	Tỷ lệ %	Sản lượng (tấn)	Tỷ lệ %									
	TỔNG SỐ	321.708	64,3	120.345	70,4	75.006	64,6	54.794	63,9	28	38	25	21	25	17	11	25	48
I	Sở Nông nghiệp và PTNT									1	1		1					
II	UBND cấp huyện	321.708	64,3	120.345	70,4	75.006	64,6	54.794	63,9	27	37	25	20	25	17	11	25	48
1	TP. Thanh Hóa	29.727	60,9	9.517	61,5	7.571	66,3	6.041	71,3									5
2	TP. Sầm Sơn	14.671	98,9	7.824	166,5	2.323	67,0	1.271	49,4				1		5		5	1
3	TX. Bim Sơn	9.300	71,8	4.700	67,9	1.530	71,8	780	69,6				1					2
4	TX. Nghi Sơn	19.800	58,2	6.300	58,4	4.600	57,8	3.500	59,3	1	1	1	1	12	4	2	7	2
5	H. Đông Sơn	6.316	60,4	3.303	99,7	1.473	60,3	1.094	60,3		1							1
6	H. Triệu Sơn	17.500	63,7	5.700	65,5	4.300	67,0	3.300	69,3									4
7	H. Vĩnh Lộc	6.800	57,9	3.730	100,3	1.600	58,3	1.200	58,9	1	2	1						1
8	H. Yên Định	13.430	59,7	4.200	59,0	3.100	59,0	2.300	59,0	2	2	2	1			2		2
9	H. Thiệu Hóa	13.500	61,8	4.300	62,2	3.200	62,8	2.300	60,7	4	1	1		2	1			3
10	H. Thọ Xuân	17.000	63,9	5.700	67,6	4.700	75,6	3.100	67,1	1	1		1					2
11	H. Nông Cống	18.690	70,0	8.216	97,1	3.930	63,0	3.200	69,1	1	2							2

Số TT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu thực phẩm tiêu dùng chủ yếu thông qua chuỗi								Chỉ tiêu xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn				Chỉ tiêu xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm an toàn thực phẩm	Chỉ tiêu xây dựng Chợ kinh doanh thực phẩm an toàn	Chỉ tiêu cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn	Chỉ tiêu xây dựng xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm	Chỉ tiêu xây dựng xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm nâng cao
		Gạo		Rau, quả		Thịt gia súc, gia cầm		Thủy sản (tôm, cá)		Lúa, gạo	Rau, quả	Thịt gia súc, gia cầm	Thủy sản					
		Sản lượng (tấn)	Tỷ lệ %	Sản lượng (tấn)	Tỷ lệ %	Sản lượng (tấn)	Tỷ lệ %	Sản lượng (tấn)	Tỷ lệ %									
12	H. Hà Trung	11.400	75,9	2.800	67,4	3.055	86,6	2.060	79,7	5	3	2	3	3	3		3	2
13	H. Nga Sơn	14.112	73,5	6.082	100,0	3.294	73,4	2.346	70,4	4	4	2	3					1
14	H. Hậu Lộc	14.600	61,0	4.600	60,6	3.400	60,8	2.500	60,2	1	2	1	1	3	1		1	2
15	H. Hoằng Hóa	18.670	59,0	5.960	59,5	4.235	57,3	3.345	61,0	1	1		1					3
16	H. Quảng Xương	16.000	59,0	5.000	58,2	3.800	59,9	2.800	59,5	4	2	5	5	4	1	5	1	3
17	H. Thạch Thành	12.800	65,3	6.635	65,0	2.900	63,3	2.100	61,8		1	1			1		2	2
18	H. Cẩm Thủy	9.466	63,3	4.960	63,0	2.112	60,5	1.641	63,3		2	1						1
19	H. Ngọc Lặc	11.000	59,3	3.400	57,9	2.400	55,4	1.800	56,0		3							2
20	H. Như Thanh	7.721	60,0	2.772	67,9	1.954	64,9	1.339	59,9		2	1						1
21	H. Như Xuân	7.355	80,8	2.913	102,0	2.148	100,8	1.435	90,8		2	2	1					1
22	H. Thường Xuân	7.866	65,0	2.700	70,3	2.050	72,4	1.365	65,4	1	2	2	1				1	1
23	H. Bá Thước	8.689	61,1	4.552	61,1	2.030	61,3	1.507	61,0		1							1
24	H. Lang Chánh	4.097	59,0	1.228	56,7	927	56,8	682	56,6		1				1		1	1
25	H. Quan Hóa	3.800	57,2	1.200	57,0	900	58,0	650	56,4			1					2	1
26	H. Quan Sơn	3.348	60,7	1.053	60,2	774	60,0	588	61,4			1				1	1	1
27	H. Mường Lát	4.050	81,0	1.000	57,1	700	54,2	550	57,3	1	1	1		1		1	1	0

Phụ lục 13:
GIAO CHỈ TIÊU CỤ THỂ VỀ TỶ LỆ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
ĐƯỢC THU GOM, XỬ LÝ NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023)

Số TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý kế hoạch năm 2023 (%)	Trong đó	
			Tỷ lệ chất thải rắn được xử lý bằng công nghệ đốt (%)	Tỷ lệ chất thải rắn được xử lý bằng biện pháp chôn lấp (%)
	Toàn tỉnh	90,0	29,7	67,5
1	Thành phố Thanh Hóa	97,5	10,0	85,0
2	Thị xã Bỉm Sơn	98,0	0,0	100,0
3	Huyện Thọ Xuân	97,5	10,0	90,0
4	Huyện Đông Sơn	98,0	10,0	85,0
5	Huyện Nông Cống	92,0	40,0	60,0
6	Huyện Triệu Sơn	96,0	35,0	65,0
7	Huyện Hà Trung	88,0	0,0	100,0
8	Huyện Yên Định	93,0	70,0	30,0
9	Huyện Thiệu Hóa	88,0	20,0	80,0
10	Huyện Vĩnh Lộc	98,0	81,0	9,0
11	Thành phố Sầm Sơn	94,0	0,0	100,0
12	Thị xã Nghi Sơn	93,5	93,0	7,0
13	Huyện Quảng Xương	92,0	30,0	70,0
14	Huyện Hoằng Hóa	98,0	40,0	60,0
15	Huyện Hậu Lộc	86,3	80,0	20,0
16	Huyện Nga Sơn	90,0	55,0	30,0
17	Huyện Thạch Thành	79,0	12,0	88,0
18	Huyện Cẩm Thủy	70,0	20,0	80,0
19	Huyện Ngọc Lặc	82,0	0,0	100,0
20	Huyện Lang Chánh	78,0	0,0	100,0
21	Huyện Như Xuân	86,0	30,0	70,0
22	Huyện Như Thanh	86,0	94,0	6,0
23	Huyện Thường Xuân	70,0	15,0	20,0
24	Huyện Bá Thước	68,0	0,0	100,0
25	Huyện Quan Hóa	74,0	0,0	100,0
26	Huyện Quan Sơn	78,0	0,0	100,0
27	Huyện Mường Lát	70,0	0,0	100,0